Số: 1413/QĐ-UBND-HC
Thời gian ký: 15/09/2021 16:38:33 +07:00

**PHẦN I**
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐỒNG THÁP (CẤP TỈNH)**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1413/QĐ-UBND-HC ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

## I. LĨNH VỰC VĂN HÓA

### 1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

| TT | Mã số hồ sơ TTHC[1] *(nếu có)* | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện[2] | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[3] | Cách thức thực hiện[4] | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | | Thủ tục hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 | Sở VHTTDL: 03 ngày làm việc<br><br>UBND Tỉnh: 02 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.<br>- Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

### 2. Danh mục thủ tục hành giữ nguyên

| TT | Mã số hồ sơ TTHC[5] *(nếu có)* | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện[6] | Phí, lệ phí *(nếu có)* | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[7] | Cách thức thực hiện[8] | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ | Trả hồ | |

[1] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[2] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[3] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[4] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.
[5] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[6] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[7] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[8] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | sơ | sơ | |
| 1 | 1.004650.000.00.00.H20 | Thủ tục tiếp nhận thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | 05 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | Điều 29 và 30 của Luật quảng cáo số 16 ngày 21 tháng 6 năm 2012; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 2 | 1.004645.000.00.00.H20 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo | 13 ngày | nt | Không | Điều 36 của Luật quảng cáo số 16 ngày 21 tháng 6 năm 2012; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 3 | 1.004639.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày làm việc | nt | 3.000.000 đồng/Giấy phép (Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước | Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | ngoài tại Việt Nam) | | | | |
| 4 | 1.004662.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày | nt | 1.500.000 đồng/Giấy phép (Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính) | Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 5 | 1.004666.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam | 10 ngày | nt | 1.500.000 đồng/Giấy phép (Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 165/2016/TT-BTC ngày 25/10/2016 của Bộ Tài chính) | Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 6 | 1.004723.000.00.00.H20 | Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ | 05 ngày làm việc | nt | Không | Điều 5 Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 1.003560.000.00.00.H20 | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu | 10 ngày làm việc | nt | Điều 4 Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác | Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 8 | 1.003017.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu) | 15 ngày | nt | Điều 4 Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | Điều 37 Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 ngày 6 tháng 2009 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 9 | 1.003035.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim | 15 ngày | nt | Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 | Điều 37 Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 | qua DVC trực tuyến 3 | | |
| 10 | 1.003608.000.00.00.H20 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu | 45 ngày làm việc | nt | Điều 4 Thông tư số 289/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực điện ảnh. | Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 11 | 1.003784.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 02 ngày làm việc (Trường hợp phải xin ý kiến của các Bộ, ngành khác thời hạn tối đa là 10 ngày làm việc) | nt | Không | Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hoá phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;<br>- Sửa đổi theo Mẫu đơn số 3 ký hiệu BM.NK ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh) | | | |
| 12 | 1.003743.000.00.00.H20 | Thủ tục giám định văn hoá phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương | 10 ngày làm việc (Trong trường hợp đặc biệt, thời gian giám định tối đa không quá 15 ngày làm việc (Điều 2 Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2016 ) | nt | Không | Điều 3 Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh;<br>Sửa đổi theo Mẫu đơn số 4 ký hiệu BM.GĐ ban hành kèm theo Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 13 | 1.001704.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 11 Nghị định số 72/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 về Triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 14 | 1.001671.0 | Cấp giấy | 07 | nt | Không | Điều 12 Nghị | - Trực | - Trực | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 00.00.00.H 20 | phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm | ngày làm việc | | | định số 72/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 về Triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam | tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 15 | 1.001809.0 00.00.00.H 20 | Thủ tục cấp Giấy phép triển lãm mỹ thuật | 06 ngày làm việc | nt | Không | Điều 15 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật<br>Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp (Phụ lục kèm theo) | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 16 | 1.001833.0 00.00.00.H 20 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật quy mô cấp tỉnh | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 11 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 17 | 1.001738.0 00.00.00.H 20 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 36 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 18 | 1.001229.0 00.00.00.H 20 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | thương mại | lập Hội đồng thẩm định | | | | | | |
| 19 | 1.001211.000.00.00.H20 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 20 | 1.001191.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 21 | 1.001182.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải | nt | Không | Điều 12 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | thương mại | thành lập Hội đồng thẩm định | | | | | | |
| 22 | 1.001147.000.00.00.H20 | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 07 ngày làm việc hoặc 15 ngày làm việc trong trường hợp phải thành lập Hội đồng thẩm định | nt | Không | Điều 17 Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động triển lãm. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 4 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 23 | 1.001778.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hoá, anh hùng dân tộc, lãnh tụ | 07 ngày làm việc | nt | | Điều 2 Nghị định số 11/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 24 | 2.001496.000.00.00.H20 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu | 07 ngày làm việc | nt | Điều 4 Thông tư số 260/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, | Điều 1 Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về quản lý hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | nhập khẩu. | thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | |
| 25 | 1.001008.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 05 ngày làm việc | nt | Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 Bộ Tài chính | Điều 10 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 26 | 1.000922.000.00.00.H20 | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường | 04 ngày làm việc | nt | Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 Bộ Tài chính | Điều 12 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 27 | | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. | 15 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.<br>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | - Trực tiếp;<br>-Hoặc qua BCCI | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. | 15 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.<br>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | - Trực tiếp;<br>-Hoặc qua BCCI | -Trực tiếp;<br>-Hoặc qua BCCI; | |
| 29 | | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam. | 15 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21/11/2019.<br>- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/8/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 30 | | Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không | 05 ngày làm việc | nt | Thông tư số 288/2016/TT-BTC | - Điều 9, 12 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) | | | | biểu diễn. | | | |
| 31 | | Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 13 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | ương) | | | | | | | |
| 32 | | Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 16 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 33 | | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu | 05 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 20 Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

## II. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

### 1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên

| TT | Mã số hồ sơ TTHC[9] *(nếu có)* | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện[10] | Phí, lệ phí *(nếu có)* | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[11] | Cách thức thực hiện[12] | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | 1.003738.000.00.00.H20 | Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | 30 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật di sản văn hóa số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

[9] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[10] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[11] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[12] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL (tại Điều 1: sửa đổi một số quy định tại Nghị định số 98 – điểm c, khoản 1, Điều 25; điểm a, khoản 1, Điều 26) | | | |
| 2 | 1.001106.000.00.00.H20 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định 4597/QĐ- | -Trực tiếp;<br>-Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL (bãi bỏ khoản 1, khoản 3, Điều 4 của Nghị định 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016). | | | |
| 3 | 1.003901.000.00.00.H20 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa năm 2009.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ VHTTDL. | | | |
| 4 | 1.003676.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội | 20 ngày làm việc | nt | Không | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |
| 5 | 1.003654.000.00.00.H20 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội. | 15 ngày làm việc | nt | Không | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |
| 6 | 1.001755.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài và tranh hoành tráng | 07 làm việc hoặc 20 ngày làm việc với trường hợp xây dựng tượng | nt | Không | - Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.<br>- Thông tư số 01/2018/TT-BVHTTDL ngày 18 tháng 01 năm 2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ. | | | chi tiết thi hành một số điều tại Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật. | | | |
| 7 | 1.003838.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam. | 20 ngày làm việc | nt | Không | - Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi bổ sung năm 2009.<br>- Nghị định của Chính phủ:<br>- Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;<br>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |
| 8 | 2.001631.000.00.00.H20 | Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét và trả lời về thời hạn tổ chức đăng ký trong thời hạn 15 ngày. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục đăng ký, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy | nt | Không | - Luật của Quốc hội: Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi bổ sung năm 2009.<br>- Nghị định của Chính phủ: Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.<br>- Thông tư của Bộ trưởng:<br>- Thông tư số 07/2004/TT-BVHTT ngày 19/2/2004 của Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.<br>- Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ các quy định | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | chứng nhận đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. | | | có liên quan đến thủ tục hành chính.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |
| | SVHTTDL_DSVH13 | Cấp phép làm bản sao di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc Bảo tàng cấp tỉnh, Bảo tàng tư nhân. | 30 ngày làm việc | nt | Không | - Luật của Quốc hội : Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi bổ sung năm 2009.<br>- Nghị định của Chính phủ: Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |
| 10 | 2.001591.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp. | 03 ngày làm việc | nt | Không | - Luật của Quốc hội : Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi bổ sung năm 2009.<br>- Nghị định của Chính phủ: | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá;<br>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>- Quyết định của Bộ trưởng: Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng BVHTTDL Ban hành kèm theo Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | trực tuyến mức 3 | DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | SVHTTDL_DSVH15 | Xếp hạng bảo tàng hạng II và III đối với bảo tàng tỉnh thành phố, Bảo tàng tư nhân. | | nt | Không | - Luật của Quốc hội : Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi bổ sung năm 2009.<br>- Nghị định của Chính phủ: Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hoá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hoá.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |
| 12 | 1.003646.000.00.00.H20 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích. | + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám | nt | Không | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;<br>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến | | | ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;<br>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01/3/2011.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>+ Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | hồ sơ hiện vật.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia. | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | 1.003835.000.00.00.H20 | Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật. | + Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và Hồ sơ hiện vật, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười ngày) kể từ ngày có kết quả thẩm định, Giám đốc Sở | nt | Không | - Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2002;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;<br>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;<br>- Thông tư số 13/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/10/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về trình tự, thủ tục đề nghị công nhận bảo vật quốc gia. Có hiệu lực từ ngày 01/3/2011.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan, Chủ | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét, quyết định gửi văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có liên quan đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.<br>+ Trong thời hạn 30 (ba mươi) kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, hồ sơ hiện vật và các văn bản có | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | liên quan, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao Hội đồng giám định cổ vật thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) kể từ ngày có kết quả thẩm định của Hội đồng giám định cổ vật, Cục trưởng Cục Di sản văn hóa báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định việc gửi văn bản đề nghị Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thẩm định hiện vật và hồ sơ hiện vật.<br>+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày có ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Bộ trưởng Bộ Văn | | | | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận bảo vật quốc gia. | | | | | | |
| 14 | 2.001613.000.00.00.H20 | Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;<br>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;<br>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |
| 15 | 1.003793.000.00.00.H20 | Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 30 ngày làm việc. Trong đó:<br>- Sở VHTTDL: 10 ngày<br>- UBND Tỉnh: 20 ngày. | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010;<br>- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa. Có hiệu lực từ ngày 06/11/2010;<br>- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27/02/2012<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |
| 16 | 1.001123.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật | 05 ngày làm việc | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |
| 17 | 1.001822.000.00.00.H20 | Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra và yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ.<br>- | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn | | | quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | bản và nêu rõ lý do. | | | | | | |
| 18 | 1.002003.000.00.00.H20 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích | - Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.<br>- Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. | | | | | | |
| 19 | 2.001641.000.00.00.H20 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu | - Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận | nt | Không | - Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2002.<br>- Luật sửa đổi, | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | bổ di tích | hành nghề hết hạn sử dụng hoặc bị hỏng, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề, đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Trường hợp từ chối, phải trả lời bằng | | | bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2010.<br>- Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. Có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.<br>- Quyết định 4597/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2016 V/v công bố TTHC chuẩn hóa năm 2016 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | trực tuyến mức 3 | DVC trực tuyến mức 3 | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | văn bản và nêu rõ lý do.<br>- Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận hành nghề bị mất hoặc bổ sung nội dung hành nghề, thời hạn cấp được thực hiện như quy định đối với trường hợp cấp mới. | | | | | | |

## III. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

### 1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên

| TT | Mã số hồ sơ TTHC[13] *(nếu có)* | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện[14] | Phí, lệ phí *(nếu có)* | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[15] | Cách thức thực hiện[16] | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | 1.005441.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình | 30 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp, số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | Điều 3 và 4 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 2 | 1.003140.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | 30 ngày làm việc | nt | Không | Điều 3 và 4 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

[13] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[14] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[15] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[16] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | | | |
| 3 | 1.000919.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | 15 ngày làm việc | nt | Không | Điều 5 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 4 | 1.000817.000.00.00.H20 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | 20 ngày làm việc | nt | Không | Điều 5 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 5 | 1.001420.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt | 15 ngày làm việc | nt | Không | Điều 5 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình | | | | Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | trực tuyến 3. | | |
| 6 | 1.001407.000.00.00.H20 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. | 20 ngày làm việc | nt | Không | Điều 5 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 2, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 7 | 1.000454.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận Nghiệp vụ chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | 60 ngày làm việc | nt | Không | Điều 11 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 5, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | | | |
| 8 | 1.000433.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận Nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | 60 ngày làm việc | nt | Không | Điều 11 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 5, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 9 | 1.000379.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 10 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 10 | 1.000104.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 10 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | nhân bạo lực gia đình | | | | Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | trực tuyến 3. | | |
| 11 | 2.000022.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 10 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |
| 12 | 1.003310.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình | 07 ngày làm việc | nt | Không | Điều 10 của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2010 và được sửa đổi, bổng sung tại Khoản 4, Điều 1 Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2014 của Bộ VHTT&DL về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 16/3/2010 của Bộ VHTT&DL. | | | |
| 13 | 1.004659.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận lại "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa" | 15 ngày làm việc | nt | Không | - Điều 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ VHTT&DL Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa".<br>- Hướng dẫn số 3337/HD-BVHTTDL-TLĐ ngày 10/8/2015 của Bộ VHTT&DL và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Hướng dẫn Triển khai, thực hiện một số nội dung của Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận "Cơ quan đạt chuẩn văn hóa", "Đơn vị đạt chuẩn văn hóa", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa". | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI.<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức 3 | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

## IV. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

### 1. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên

| Stt | Mã số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[17] | Cách thức thực hiện | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | BVH-DTP-278843 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

[17] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 2 | BVH-DTP-278844 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 3 | BVH-DTP-278981 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện | 05 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua | - Trực tiếp;<br>- Hoặc | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trrong giấy chứng nhận. | | công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. | BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | qua BCCI; | |
| 4 | BTV-DTP-279031 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng. | 05 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 5 | BVH-DTP-279034 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Yoga.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 6 | BVH-DTP-279035 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua | - Trực tiếp;<br>- Hoặc | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | doanh hoạt động thể thao đối với môn Gofl | | công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 12/2016/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, | BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 7 | BVH-DTP-279036 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 09/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Cầu lông.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 8 | BVH-DTP-279087 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 10/2017/TT-BVHTTDL ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | môn đối với môn Taekwondo.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 9 | BVH-DTP-279038 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 02/2018/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 10 | BVH-DTP-279039 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, lặn. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | BVH-DTP-279040 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & snooker. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billiards & Snooker.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 12 | BVH-DTP-279041 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 13 | BVH-DTP-279043 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Diều bay.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 14 | BVH-DTP-279044 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp | | | |
| 15 | BVH-DTP-279046 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua | - Trực tiếp;<br>- Hoặc | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ. | | công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện | BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 16 | BVH-DTP-279042 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 17 | BVH-DTP-279045 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | viên chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 18 | BVH-DTP-279047 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 11/2018/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân Sư Rồng.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 19 | BVH-DTP-279048 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 20 | BVH-DTP-279049 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền anh.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 21 | BVH-DTP-279050 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn môn Võ cổ truyền và Vovinam. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam.<br>- Nghị quyết | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 22 | BVH-DTP-279051 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 23 | BVH-DTP-279052 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá. | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 24 | BVH-DTP-279053 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua | - Trực tiếp;<br>- Hoặc | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt. | | công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện | BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 25 | BVH-DTP-279054 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 4. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 26 | BVH-DTP-279055 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 27 | BVH-DTP-278870 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 28 | BVH-DTP-279089 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 27/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng ném.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh | 3. | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Đồng Tháp. | | | |
| 29 | BVH-DTP-279090 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 29/2018/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Wushu.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 30 | BVH-DTP-279091 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 28/2018/TT-BVHTTDL ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Leo núi thể thao.<br>- Nghị quyết số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 31 | BVH-DTP-279092 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.<br>- Thông tư số 32/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng rổ.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 32 | BVH-DTP-279094 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao | 07 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 700.000 đồng/giấy chứng nhận | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI. | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | thao.<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BVHTTDL ngày 02/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Đấu kiếm thể thao.<br>- Nghị quyết số 68/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. | | | |
| 33 | BVH-DTP-278879 | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh | 10 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao | Không | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | một số điều của Luật TDTT số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018.<br>- Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thể dục, Thể thao.<br>- Thông tư số 16/2014/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành một số biểu mẫu thủ tục hành chính trong lĩnh vực thể dục, thể thao. | tuyến mức độ 3. | | |
| 34 | 1.002013.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | 30 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.<br>- Luật thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 01/01/2019. | | | |
| 35 | 1.002022.000.00.00.H20 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức | 30 ngày làm việc | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không | - Luật thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006.<br>- Luật thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

## V. LĨNH VỰC DU LỊCH

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

| TT | Mã số hồ sơ TTHC18 (nếu có) | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện19 | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC20 | Cách thức thực hiện21 | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | | Thủ tục Hỗ trợ Hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 | 2 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | không | Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 05 năm 2013.<br>- Bộ Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.<br>- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.<br>- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19<br>- Quyết định số | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | - Trực tiếp | |

[18] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[19] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[20] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[21] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. | | | |

**2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung**

| TT | Mã số hồ sơ TTHC[22] *(nếu có)* | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện[23] | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[24] | Cách thức thực hiện[25] | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | 2.001628.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh)* | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 3.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).<br>1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021 | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

[22] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[23] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[24] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[25] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | ). | - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | - Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021). | | | |
| 2 | | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị. | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | - 1.500.000 đồng/giấy phép<br>- *750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021).* | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định | 2.001616.000.00.00.H20 | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;<br>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021). | | | |
| 3 | **2.001622.000.00.00.H20** | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, | 2.000.000 đồng/giấy phép *1.000.000 đồng/giấy* phép (Thông tư số 47/2021/TT- | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | nội địa | lệ. | thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021). | của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;<br>- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021). | | | |
| 4 | 1.004628.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 650.000 đồng/thẻ<br>*325.000 đồng/thẻ thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch; | | | |
| 5 | 1.004623.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 650.000 đồng/thẻ<br>*32 5.000 đồng/thẻ thẻ (Thông tư số 47/2021/ TT-BTC ngày* | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | *24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | lịch;<br>*-Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | | | |
| 6 | 1.001432.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 650.000 đồng/thẻ<br>*325.000 đồng/thẻ thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021).* | 650.000 đồng/thẻ<br>*325.000 đồng/thẻ thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021).* | | | |
| 7 | 1.004614.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, | 650.000 đồng/thẻ<br>*325.000 đồng/thẻ thẻ (Thông tư* | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | tỉnh Đồng Tháp | *số 47/2021/ TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;<br>- *Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | | | |
| 8 | 1.001440.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. | 10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 200.000 đồng/thẻ<br>*100.000 đồng/thẻ (Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du | | | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | lịch; lệ phí cấp Giấy phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;<br>*- Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/6/2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 31/12/2021)* | | | |

**3. Danh mục thủ tục hành chính giữ nguyên**

| TT | Mã số hồ sơ TTHC[26] *(nếu có)* | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện[27] | Phí, lệ phí | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC[28] | Cách thức thực hiện[29] | | Số trang |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Nộp hồ sơ | Trả hồ sơ | |
| 1 | 1.003490.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận Khu du lịch cấp tỉnh | - Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định trình UBND Tỉnh.<br>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, UBND Tỉnh quyết định công nhận khu du lịch cấp tỉnh, trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 2 | 1.004528.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận điểm du lịch | - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 06/2017/TT- | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

[26] Mã số hồ sơ của thủ tục hành chính (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính).
[27] Ghi rõ tên cơ quan thực hiện, cơ quan có liên quan (nếu có), địa điểm thực hiện thủ tục hành chính.
[28] Nêu rõ điều, khoản, tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung TTHC.
[29] Ghi rõ: 1. Trực tiếp tại Bộ phận TN&TKQ; 2. Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; 3. Trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công cấp tỉnh.

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | cấp tỉnh;<br>- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận điểm du lịch. | Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | | | |
| 3 | 1.004594.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch) | 27 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ *(theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh)* | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Hạng 1 sao, 2 sao là 1.500.000 Hạng 3 sao là 2.000.000 | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;<br>-Nghị định số 168/2017/NĐ- CP ngày 31/12/2017 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>-Thông tư số: 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>-Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 4 | | Thủ tục công nhận cơ sở kinh | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ *(theo* | Trung tâm Kiểm soát thủ | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;<br>- Thông tư số: | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua | -Trực tiếp;<br>- Hoặc | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | *Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh* | tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | | 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | qua BCCI; | |
| 5 | 1.004503.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ *(theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh* | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017.<br>- Thông tư số: 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 6 | 1.001455.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ | Trung tâm Kiểm soát thủ | 1.000.000 | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc | -Trực tiếp;<br>- | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | hợp lệ *(theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh* | tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | đồng/hồ sơ. | - Thông tư số: 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | Hoặc qua BCCI; | |
| 7 | 1.004580.000.00.00.H20 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ *(theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh* | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;<br>- Thông tư số: 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | 1.004572.000.00.00.H20 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 17 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ *(theo Quyết định số 1297/QĐ-UBND-HC ngày 24/10/2018 của UBND Tỉnh* | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | 1.000.000 đồng/hồ sơ. | - Luật Du lịch số: 09/2017/QH14, ngày 19/06/2017;<br>- Thông tư số: 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch.<br>- Thông tư số 34/2018/TT-BTC, ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 9 | **2.001611.000.00.00.H20** | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành. | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.<br>- Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì cơ quan cấp phép có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | | | | | | |
| 10 | **2.001589.000.00.00.H20** | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể | - Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ra quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;<br>-Sau 60 ngày, kể từ ngày đăng quyết định thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, trường hợp không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến nghĩa vụ đối với khách du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch thì Sở | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi ngân hàng để doanh nghiệp được rút tiền ký quỹ. | | | | | | |
| 11 | **1.003742.000.00.00.H20** | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |
| 12 | 1.004605.000.00.00.H20 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 10 ngày, kể từ ngày kết thúc khóa cập nhật kiến thức. | Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công – Số 85 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | Không quy định | - Luật Du lịch năm 2017.<br>- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. | - Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI;<br>- Hoặc qua DVC trực tuyến mức độ 3 | -Trực tiếp;<br>- Hoặc qua BCCI; | |